

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN
Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 30/8/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tất Dũng
2. Bà Dương Thị Thu Hằng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa .*

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 106/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1998;

2. Bị đơn: **Anh Hứa Hồng H**, sinh năm 1997;

Điều HKTT và trú tại: Xóm BM, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 23/6/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, Nguyên đơn - chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Hứa Hồng H kết hôn năm 2017, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hứa Trần Gia B, sinh ngày 05/9/2017. Tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Lý do chị xin ly hôn anh H do bất đồng quan điểm sống, sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh H, trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay xảy ra va chạm cãi nhau, kinh tế không tập trung, việc chăm sóc con cái do mình chị lo toan mà không có sự quan tâm hỗ trợ của anh H, mâu thuẫn chủ yếu do anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bỏ mặc chị, anh H không quan tâm gì đến vợ con. Có lần anh H và người tình hẹn hò đi Đại Từ chơi do sức khỏe yếu nên anh H bị cảm phải vào Bệnh viện huyện Đại Từ cấp cứu, bạn bè anh H gọi chị lên chăm sóc anh H rồi đưa anh H về, chị thấy những tin nhắn trong điện thoại của anh H với nhân tình toàn là hẹn hò và xưng hô với nhau là vợ - chồng (chị photo những tin nhắn từ máy điện thoại của anh H gửi Tòa án)

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh H đã được hai bên gia đình bên nội, bên ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi dẫn đến tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, chị thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay chị và con về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm Gò Cao, xã Hóa Thượng huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở từ tháng 6/2021 đến nay, anh H cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Hứa Trần Gia B, sinh ngày 05/9/2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị T tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Hứa Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hóa Thượng, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do chị T luôn nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình, anh có nhắn tin với đồng nghiệp trêu nhau chứ không có gì vi phạm luật hôn nhân gia đình, do bận công việc nên anh không có thời gian quan tâm đến vợ con. Chị T khai chị T trông nom anh cấp cứu tại Bệnh viện

Đại Từ là đúng và chị T cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác là do chị suy đoán chứ chị T chưa bắt quả tang anh có quan hệ với người khác, anh công nhận những tin nhắn chị T cung cấp cho Tòa do chị T lấy từ máy điện thoại của anh ra nhưng anh khẳng định anh không có quan hệ với người phụ nữ khác như chị T nghi.

Nay chị T có đơn xin ly hôn anh anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T vì nếu vợ chồng ly hôn con sẽ khổ.

Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn anh thì chị T phải trả cho anh tiền sính lễ cưới gồm 3 tráp ăn hỏi cưới là 1.500.000 đồng; Tiền chụp ảnh cưới: 5.500.000 đồng; Tiền dẫn cưới 7.500.000 đồng. Tổng số tiền: 14.500.000 đồng.

Ngày 29/7/2021 anh có đơn phản tố yêu cầu chị T trả anh tiền sính lễ cưới là 14.500.000 đồng. Tòa án đã giao cho anh thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu phản tố, ngày 5/8/2021 anh rút đơn phản tố.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Hứa Trần Gia B, sinh ngày 05/9/2017. Tại phiên tòa anh yêu cầu nếu chị T ly hôn anh thì phải giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng thì anh mới nhất trí ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh nhất trí chị T nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Do hai bên đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về quan hệ hôn nhân và về con chung Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về toàn bộ nội dung của vụ án nhưng các bên vẫn giữ nguyên ý kiến, vì vậy Tòa án phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28; các bên đương sự có hộ khẩu thường trú và trú tại xóm BM, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hứa Hồng H kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hóa Thượng, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và B vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T anh H xảy ra mâu thuẫn vì lý do bất đồng quan điểm sống, theo chị T khai nguyên nhân chủ yếu là do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên bỏ mặc chị . Hiện tại, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2021, không quan tâm gì đến nhau nữa.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, anh H không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình cũng như việc chăm sóc con cái với chị T, anh cho rằng vì lý do bận công việc nên không có thời gian quan tâm đến vợ con. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên do đó HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hứa Hồng H là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H xác định có 01 con chung là Hứa Trần Gia B, sinh ngày 05/9/2017, hiện con đang ở với chị T và do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy con vẫn đang còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, bản thân anh H khai anh bận công việc công ty không có thời gian chăm sóc vợ con nên HĐXX giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyên đơn chị Trần Thị T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Hứa Hồng H. Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hứa Hồng H.

2. Về con chung: Giao con chung Hứa Trần Gia B, sinh ngày 05/9/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn này.

4. Án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0006643 ngày 02/7/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự tại phiên tòa, báo cho các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

- UBND xã ML , huyện Đ;
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận HNGĐ .

Mai Thị Hồng Thái

